

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 11/2023/LĐ-ST

Ngày: 18 -7-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng lao
động”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Phôi

2. Ông Nguyễn Cảnh Liêm

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Trinh - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số: 09/2023/TLST-LĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2023/QĐST-LĐ ngày 10/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Tuyết N, sinh năm: 1971; Địa chỉ: 202 Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần quản lý sửa chữa đường bộ Q; Địa chỉ: 58 Diên Hồng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Bắc T - Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 5 năm 2023; đơn khởi kiện bổ sung ngày 31 tháng 5 năm 2023 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Tuyết Nhung trình bày:

Trước đây chị là Kế toán thuộc Công ty Cổ phần quản lý, sửa chữa đường bộ Q (trước đây là Xí nghiệp quản lý sửa chữa đường bộ Quy Nhơn) (sau đây gọi là Công ty) từ ngày 01/01/1994 (theo hợp đồng lao động: HĐA 50/số 21). Thời gian công tác

tại đơn vị là 28 năm 05 tháng (theo Sổ bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Định chốt sổ ngày 29/6/2022), tuy nhiên do sức khỏe không đảm bảo nên chị đã làm đơn xin nghỉ việc để chữa bệnh. Ngày 09/6/2022, Giám đốc Công ty đã ban hành Quyết định số 112/QĐ-QLSCĐB chấp nhận theo nguyện vọng của chị, được nghỉ việc từ ngày 10/6/2022.

Theo quy định pháp luật thì trường hợp của chị đủ điều kiện được hưởng trợ cấp thôi việc, nhưng sau khi BHXH tỉnh Bình Định chốt sổ bắt buộc ngày 29/6/2022 đến nay Công ty vẫn không chi trả tiền trợ cấp thôi việc cho chị.

Số năm công tác được hưởng trợ cấp thôi việc từ ngày 01/01/1994 đến tháng 12/2008 là 15 năm. Trước đây chị yêu cầu Công ty phải có nghĩa vụ chi trả tiền trợ cấp thôi việc cho chị là: 112.500.000đồng (một trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) vì mức lương bình quân 06 tháng liền kề trước khi chị nghỉ việc là 15.000.000đ/tháng ($15.000.000\text{đ/tháng} \times 15 \text{ năm} \times \frac{1}{2} = 112.500.000\text{đồng}$).

Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị yêu cầu Công ty phải có nghĩa vụ chi trả tiền trợ cấp thôi việc cho chị với số tiền là 135.000.000đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng) vì căn cứ vào sổ bảo hiểm xã hội của chị, mã số: 3796022470 thì mức lương từ năm 2019 đến tháng 5 năm 2022 của chị là 18.000.000đồng/tháng. Như vậy mức lương bình quân 06 tháng liền kề trước khi chị nghỉ việc là 18.000.000đồng/tháng

Do đó, nay chị yêu cầu Công ty phải có nghĩa vụ chi trả tiền trợ cấp thôi việc cho chị với số tiền là 135.000.000đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Bị đơn, Công ty cổ phần sửa chữa đường bộ Q, đại diện theo pháp luật là ông Hà Bắc Tuấn trình bày tại đơn trình bày ý kiến ngày 12/6/2023:

Trong 02 năm qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần quản lý sửa chữa đường bộ Quy Nhơn (gọi là Công ty) gặp nhiều khó khăn, công nợ nhiều, không khai thác, ký kết được hợp đồng thi công công trình, nhiều tháng liền người lao động không có việc làm, tình trạng nợ lương kéo dài, Công ty thua lỗ nên phải tiết giảm chi phí, khắc phục thua lỗ trong năm 2023 và những năm tiếp theo. Công ty là công ty cổ phần tư nhân nên các cổ đông không đồng tình với các khoản chi phí như chi trả trợ cấp thôi việc, để thực hiện khoản chi này phải thông qua đại hội đồng cổ đông.

Đối với người lao động nghỉ việc, Công ty đã cố gắng đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc và chốt trả sổ bảo hiểm cho người lao động kịp thời. Riêng chi phí trợ cấp thôi việc, theo quy định phải được hoạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh, nhưng Công ty không có công trình, làm ăn thua lỗ nên không có chi phí. Do đó, Công ty không có khả năng chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động nghỉ việc.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn không tham gia phiên tòa vì Tòa án không tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ đơn khởi kiện, đối chiếu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Tòa xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp tiền trợ cấp thôi việc”, bị đơn có địa chỉ trụ sở tại 58 Diên Hồng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, người đại diện theo pháp luật là ông Hà Bắc Tuấn - Giám đốc Công ty. Do đó, theo quy định tại Điều 32, khoản 1 Điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, Công ty cổ phần quản lý sửa chữa đường bộ Q , người đại diện theo pháp luật là ông Hà Bắc Tuấn - Giám đốc Công ty được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Chị Nguyễn Tuyết N yêu cầu Công ty cổ phần quản lý sửa chữa đường bộ Q phải có nghĩa vụ trả tiền trợ cấp thôi việc cho chị với tổng số tiền là: 135.000.000đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Xét thấy, chị Nhung là Kế toán của Công ty và được Công ty đóng BHXH cho chị từ tháng 01/1994 đến tháng 5/2022, chị được Công ty cho nghỉ việc theo Quyết định số 112/QĐ-QLSCĐB thời gian bắt đầu được nghỉ việc từ ngày 10/6/2022.

Căn cứ hợp đồng lao động số: HĐA 50/số 21 ngày 01/01/1994 và căn cứ vào sổ BHXH mã số: 3796022470 thể hiện Công ty cổ phần quản lý sửa chữa đường bộ Quy Nhơn thống nhất thời gian chị Nhung làm việc và đóng BHXH là 28 năm 05 tháng. Từ ngày 01/01/2009 chị Nhung đã tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật lao động 2019 thì Công ty phải có nghĩa vụ thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho chị Nhung, mỗi năm làm việc được trợ cấp $\frac{1}{2}$ tháng lương. Căn cứ để tính trợ cấp thôi việc cho chị N là kể từ tháng 01/1994 đến ngày 01/01/2009 là 15 năm. Theo quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 8 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 thì “Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm của người lao động được tính theo năm (đủ 12 tháng) trường hợp có tháng lẻ ít hơn hoặc bằng 06 tháng thì được tính bằng $\frac{1}{2}$ năm, trên 06 tháng thì được tính bằng 01 năm làm việc”. Như vậy thời gian tính trợ cấp thôi việc cho chị Nhung là 15 năm.

Trước đây chị N yêu cầu Công ty phải có nghĩa vụ thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho chị là 112.500.000đồng (một trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) vì chị cho rằng tháng 6 năm 2022 Công ty có đại hội cổ đông và quyết định trả lương cho chị là 12.000.000đ/tháng bắt đầu từ tháng 3/2022. Tuy nhiên căn cứ theo sổ BHXH mã số: 3796022470 thì Công ty vẫn đóng BHXH cho chị từ năm 2019 đến tháng 5/2022 với

mức lương là 18.000.000đồng/tháng. Do đó nay chị N yêu cầu Công ty phải có nghĩa vụ thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho chị với số tiền là 135.000.000đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng) ($18.000.000đ \times 15 \text{ năm} \times \frac{1}{2} = 135.000.000đ$).

Tòa xét: Căn cứ vào sổ BHXH mã số: 3796022470 thì tiền lương 06 tháng liền kề trước khi nghỉ việc của chị N là 18.000.000đồng (mười tám triệu đồng)/tháng.

Như vậy, việc chị N khởi kiện yêu cầu Công ty phải có nghĩa vụ thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền là 135.000.000đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 46 Bộ luật lao động năm 2019, điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động của pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nhung.

Việc Công ty không đồng ý thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho chị N với lý do: Trong 02 năm qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, công nợ nhiều, không khai thác, ký kết được hợp đồng thi công công trình, nhiều tháng liền người lao động không có việc làm, tình trạng nợ lương kéo dài, Công ty thua lỗ nên phải tiết giảm chi phí, khắc phục thua lỗ trong năm 2023 và những năm tiếp theo. Công ty là công ty cổ phần tư nhân nên các cổ đông không đồng tình với các khoản chi phí như chi trả trợ cấp thôi việc, để thực hiện khoản chi này phải thông qua đại hội đồng cổ đông là không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận.

[4] Về án phí Lao động sơ thẩm: Công ty cổ phần quản lý sửa chữa đường bộ Quy Nhơn phải chịu theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 46 của Bộ luật Lao động;

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị Định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/2/2020.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- 1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tuyết N

1.1- Buộc Công ty cổ phần quản lý sửa chữa đường bộ Quy Nhơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Tuyết N tiền trợ cấp thôi việc là: 135.000.000 (một trăm ba mươi lăm triệu) đồng.

2- Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty cổ phần quản lý sửa chữa đường bộ Quy Nhơn phải chịu 4.050.000 (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

3- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4- Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4.2- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND TP.Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Ngọc Lan

